

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HC-PT

Ngày: 10- 6 - 2020

V/v khiếu kiện hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 139/2020/TLPT-HC ngày 11 tháng 02 năm 2020 về khiếu kiện hành vi hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC- ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 894/2020/QĐ- PT ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị R, sinh năm 1944; Địa chỉ: số 140, đường N, khu phố 2, Phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Anh Dương Lê T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 493, đường B, khu phố N1, phường N2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 04-3-2019) - Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị R là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-3-2019 và lời trình bày của anh Dương Lê T1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên tòa thể hiện:

Đầu năm 2016 bà Dương Thị R biết việc phân đất 02ha tại khu phố 4 thị trấn C, huyện C của bà hiện Công ty TNHH MTV V quản lý thuộc tổng diện tích 200.278,5 m² trước đây do Công ty TNHH B1 thuê để xây dựng nhà máy sản xuất chế biến và kinh doanh tinh bột khoai mì. Ngày 28-6-2000 Công ty được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T001999. Công ty TNHH B1 được cấp đất theo quyết định 431/QĐ-TTg ngày 12-5-2000 của Thủ tướng Chính phủ, theo công văn đề nghị số 86/UB ngày 18-4-2000 của UBND tỉnh và tờ trình 658/TT-TCĐC ngày 27-4-2000 của Tổng cục địa chính. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định 431/QĐ-TTg ngày 12-5-2000 nêu rõ “Hướng dẫn việc đền bù thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ thi công công trình”. Từ khi diện tích đất của bà R bị thu hồi để giao cho Công ty TNHH B1 đến nay bà R chưa nhận được bất kì khoản tiền đền bù nào.

Sau khi nhận đơn khiếu nại của bà R ngày 12-7-2016 UBND tỉnh có công văn số 2845/VP-TD chuyển đơn đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T kiểm tra xem xét tham mưu trả lời cho Ủy ban trước ngày 20-8-2016 nhưng không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho bà R. Ngày 03-10-2016 bà R nhận được văn bản 1250/UBND của Chủ tịch UBND huyện C trả lời đơn khiếu nại của bà R, không đồng ý bà R khởi kiện yêu cầu hủy công văn trên, ngày 31-5-2018 UBND huyện C ban hành công văn 639/UBND về việc thu hồi công văn 1250. Đồng thời tại Bản án số 180/2018/HC-PT ngày 06-6-2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận đơn kháng cáo của bà R, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 16-7-2018 bà R làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh T qua đường bưu điện có phiếu báo phát gửi thành công với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh T giải quyết đơn khiếu nại của bà R. Nhưng đến nay Chủ tịch UBND tỉnh không giải quyết khiếu nại cho bà R là trái với quy định tại Điều 28 Luật giải quyết khiếu nại. Do đó bà R khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh T ra quyết định giải quyết khiếu nại theo đơn khiếu nại ngày 16-7-2018 của bà R.

Theo Văn bản số 1769/UBND-TD ngày 15 tháng 8 năm 2019 của người bị kiện thể hiện:

Ngày 16-7-2018 bà Dương Thị R có đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết đền bù diện tích 02 ha đất của gia đình bà R mà Nhà nước thu hồi giao cho Công ty TNHH MTV V tại khu phố IV, thị trấn C, huyện C tỉnh Tây Ninh thuê trước đây là của Công ty TNHH B1 nhưng đến nay gia đình bà vẫn chưa nhận được đền bù

thỏa đáng.

Liên quan đến dự án nêu trên, ngày 12-5-2000 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 431/QĐ-TTg về việc thu hồi 199.297 m² đất tại khu phố IV thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh và cho Công ty TNHH B1 thuê toàn bộ diện tích trên để xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến và kinh doanh tinh bột khoai mì. Sau khi có quyết định của Thủ tướng chính phủ UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện C lập phương án giải tỏa đền bù mặt bằng để thực hiện dự án. Theo phương án, có 29 hộ dân được đền bù, hỗ trợ trong đó không có hộ bà Dương Thị R. Các hộ dân có đất nằm trong dự án trước đây có khiếu nại việc đền bù đất, vụ việc đã được Đoàn công tác liên ngành của UBND tỉnh, UBND huyện C xem xét, giải quyết dứt điểm và theo báo cáo của Đoàn, bà R không có đơn khiếu nại về việc yêu cầu đền bù đất.

Cơ quan chức năng đã mời bà R đến làm việc nhưng bà R ủy quyền cho anh Dương Lê T1 đến làm việc, anh T1 chỉ cho biết nguồn gốc đất 02 ha đất nói trên là của vợ chồng bà R, ông T2 mua lại của ông Đặng Văn N2 vào năm 1974 với số tiền một trăm bốn mươi ngàn đồng, giấy tờ mua bán được UBND xã Trí Bình chứng thực. Năm 1979, ông T2 đi cải tạo, vợ chồng ông T2 bà R có nhờ ông Đơn Hoài S giữ gìn, quản lý giúp 02 ha đất trên chỉ nói miệng, không có giấy tờ chứng minh, bà R về sinh sống tại khu phố 2, thị xã Tây Ninh.

Năm 1981 ông T2 đi cải tạo về phát hiện ông S đã bán 02 ha đất cho người khác nhưng anh Dương Lê T1 không rõ là ai, thì bà R bắt đầu có đơn khiếu nại với nội dung ông S tự ý lấy đất của bà bán cho người khác, anh Dương Lê T1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, Việc ông Đơn Hoài S bán lại 02 ha đất cho ai, vào thời gian nào, người mua đất sử dụng đất này ra sao, ông S hiện giờ ở đâu, anh Dương Lê T1 không cung cấp được.

Việc bồi thường đối với dự án Công ty TNHH B1 đã được giải quyết xong. Trước đó có các hộ dân mua lại đất của ông Đơn Hoài S năm 1987 như bà Nguyễn Thị X, Hà Viết N3. Vụ việc khiếu nại bồi thường về đất đối với các hộ dân có đất trong khu vực Công ty TNHH B1 đã được các ngành chức năng giải quyết xong nhưng thời điểm đó bà R không có khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất. Nay bà R có đơn khiếu nại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh được quyền sử dụng đất hợp pháp của bà R và cũng không cung cấp được các thông tin khác có liên quan đến việc khiếu nại nên chưa đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo quy định.

Căn cứ điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011 đơn khiếu nại của bà Dương Thị R không đủ điều kiện thụ lý giải quyết, lý do vụ việc khiếu nại bồi thường về đất đối với các hộ dân có đất trong khu vực nhà máy mì thuộc Công ty TNHH B1 nay là Công ty TNHH MTV V đã được giải quyết xong. Do đó Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Thông báo số 695/TB- UBND ngày 10-4-2019 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị R là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11

năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị R về việc yêu cầu xem xét hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh T là trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND tỉnh T giải quyết khiếu nại của bà.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/11/2019 bà Dương Thị R kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị R vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của bà Dương Thị R:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Đơn kháng cáo của bà R hợp lệ nên được xem xét. Thửa đất của bà R yêu cầu bồi thường nằm trong tổng diện tích 199.279m² đất tại khu phố IV thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh được thu hồi theo Quyết định số 413/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Chính phủ. Bà R có giấy tay sang nhượng đất và không có quá trình sử dụng đất. Khi Nhà nước thu hồi đất thì trong danh sách thu hồi đất không có tên bà R, bà R cũng không có khiếu nại gì về bồi thường đất. Vụ việc khiếu nại của các hộ dân có đất bị thu hồi đã được giải quyết xong. Thông báo số 695/TB- UBND ngày 10-4-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị R được giao cho bà R đúng quy định. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà R là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà R, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Anh Dương Lê T1 đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị R xác định Đơn khiếu nại đề ngày 16/7/2018 do người bị kiện cung cấp là đơn khiếu nại của bà R đã gửi cho Chủ tịch UBND tỉnh T. Bà R cho rằng hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND tỉnh T không ra quyết định giải quyết khiếu nại của bà. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019 của bà R và lời trình bày của người đại diện hợp pháp bà R kiện việc Chủ tịch UBND tỉnh T không giải quyết khiếu nại của bà R, buộc Chủ tịch UBND tỉnh T ra quyết định giải quyết khiếu nại cho bà. Như vậy đối tượng bà R khởi kiện là hành vi hành chính về đất đai. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị R:*

Người bị kiện xác nhận diện tích đất theo vị trí mà người khởi kiện nêu tại “Giấy tay sang nhượng công khai phá đất” là phần đất nằm trong tổng diện tích 199.279m² đất tại khu phố IV thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh được thu hồi theo Quyết định số 413/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Chính phủ. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị R và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà R thì phần đất 02 ha tại xã Trí Bình, huyện C, tỉnh Tây Ninh bà R chỉ có tờ “Giấy tay sang nhượng công khai phá đất”, bà R không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai; cũng không có tài liệu nào chứng minh phần đất này bà là chủ sử dụng hợp pháp. Mặt khác, bà R thừa nhận từ năm 1979 đến nay gia đình bà cũng không sử dụng đất. Như vậy tại thời điểm Hội đồng giải tỏa đền bù huyện C có Phương án số 01/HĐ-GTĐB ngày 10/01/2001 để thực hiện chi trả cho 29 hộ dân có đất trong khu vực giải tỏa thì bà R không sử dụng đất nên không được xem xét chi trả đền bù là có cơ sở. Bên cạnh đó, bà R xác nhận phần đất 02 ha bà yêu cầu đền bù ông Đơn Hoài S đã bán cho người khác sử dụng. Từ năm 1981, gia đình bà R đã kiện đòi đất ở nhiều cơ quan. Do đó bà R cho rằng đến năm 2016 mới biết đất của gia đình bà không được đền bù theo Quyết định số 413/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Chính phủ là không hợp lý. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh T cho rằng bà R không chứng minh được quyền sử dụng đất hợp pháp và các thông tin khác liên quan đến việc khiếu nại và căn cứ Điều 11 của Luật khiếu nại không thụ lý đơn khiếu nại của bà R là có cơ sở. Quá trình thu thập chứng cứ, anh T1 cho rằng việc Chủ tịch UBND tỉnh T không giải quyết đơn khiếu nại của bà R và yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh phải ra quyết định giải quyết khiếu nại, tài liệu chứng minh là “Giấy sang nhượng công khai phá” và Phiếu báo phát ngoài ra, người khởi kiện không còn cung cấp chứng cứ nào khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Bà R kháng cáo không đưa ra tình tiết khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên án

sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà R được miễn án phí do người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 11 của Luật khiếu nại,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của bà Dương Thị R. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị R về việc yêu cầu xem xét hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh T là trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND tỉnh T giải quyết khiếu nại của bà.

2. Án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị R được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương